TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST
Ngày: 04-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Viết Thống; ông Hoàng Xuân Tỵ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Khắc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Ka Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2023/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Tuấn A**, tên gọi khác: Th; sinh năm: 1996, tại Nam Định; giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Xóm Th, xã N, huyện N, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Lê Thanh H và bà: Nguyễn Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 12/8/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 32/2013/HSST.

+ Ngày 07/7/2020 bị Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 407/QĐ-TA.

+ Ngày 26/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 43/2022/HSST.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại tạm giam số 03, Cục C10 của Bộ Công An (tỉnh Nghệ An), có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị Yến Nh, sinh năm 1995; trú tại: Số M đường N, Phường Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, ghĩa vụ liên quan:

1. Trần Hồng D, sinh năm 1993; trú tại: Số M, đường N, Phường Y, thành phố B, Lâm Đồng, vắng mặt;

2. Lưu Thị Ph, sinh năm: 1969; trú tại: Số M đường N, Phường Y, thành phố B, Lâm Đồng, vắng mặt;

3. Nguyễn Sỹ Trường, sinh năm: 1986; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 10 năm 2021, Lê Tuấn A lấy tên là Lê Đức Th và lập một Zalo với tên "Đ Th" để làm quen với chị Trần Thị Yến Nh, HKTT: Số M đường N, Phường Y, TP. B, Lâm Đồng. Trong thời gian quen nhau, Tuấn A thường xuyên mượn chiếc xe ô tô loại 07 chỗ hiệu Cheverlet, BS: 51F-39302 của gia đình Nh để đi chơi hoặc đi công việc và đều trả đúng hẹn. Khi đã được gia đình Nh tin tưởng và trong khi cần tiền để trả nợ nên ngày 01/12/2021, Tuấn A nhắn tin qua zalo cho Nh hỏi mượn xe ô tô để đi Tp. Hồ Chí Minh thì được Nh đồng ý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Tuấn A đến nhà Nh để lấy xe thì Nh giao cho Tuấn A 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Cheverlet, BS: 51F-39302 cùng giấy tờ xe. Sau khi nhận xe thì Tuấn A điều khiển xe đến Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tuấn A đến một công ty nhận gửi xe (không xác định được tên công ty) nằm trên đường T, Mỹ Phước, Bình Dương. Tại đây, Tuấn A đã làm hợp đồng vận chuyển với công ty này để vận chuyển chiếc xe ô tô mượn của gia đình chị Nh từ tỉnh Bình Dương đến tỉnh Bắc Ninh với giá là 7.000.000 đồng. Gửi xe xong thì Tuấn A đặt vé máy bay để bay ra Hà Nội bắt xe taxi đến huyện L, tỉnh Bắc Ninh để gặp bạn là Hoàng Văn D, HKTT: xã N, huyện N, Nam Định và thuê nhà nghỉ ở chung với D. Đến ngày 03/12/2021, Nh nhắn tin cho Tuấn A để đòi xe thì Tuấn A nói dối Nh là xe bị tai nạn để kéo dài thời gian không cho Nh báo công an. Cùng thời điểm này, đơn vị vận chuyển thông báo là xe ô tô BS: 51F-39302 đã được vận chuyển đến Bắc Ninh yêu cầu Tuấn A ra nhận xe. Khi lấy được xe Tuấn A hỏi D là có chỗ nào nhận cầm xe không thì D liên hệ với A Phạm Văn Th, HKTT: Bồng Lai, Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh để hỏi giúp Tuấn A. Đến ngày 09/12/2021, A Th dẫn Tuấn A và D đến nhà của anh Nguyễn Sỹ Tr, HKTT: Thôn Tr, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh để bán xe. Tại nhà của Tr thì Tuấn A viết cho Tr 01 giấy bán xe với giá là 70.000.000 đồng nhưng Tr chỉ giao cho Tuấn A số tiền 61.600.000 đồng, số tiền 8.400.000 đồng Trường giữ lại để bảo hành xe, sau 01 tháng xe không bị hư hỏng gì thì sẽ thanh toán hết. Tuấn A đã dùng số tiền bán xe để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/12/2021, bị Nh đòi xe Tuấn A nói dối với Nh xe đã bị người khác siết nợ ở Hà Nội, phải mang 135.000.000 đồng để lấy xe. Đồng thời, Tuấn A liên lạc với A Nguyễn Sỹ Tr nói là có người muốn đến chuộc xe và nhờ A Tr nói số tiền chuộc xe là 135.000.000 đồng để Tuấn A được hưởng số tiền chệnh lệch từ việc này. Sau đó, chị Nh cùng A trai là Trần Hồng D ra Hà Nội và đi theo chỉ dẫn của Tuấn A đến nhà

Tr ở thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh để nhận xe của mình. Lúc này, D ở lại nhà Tr còn chị Nh cùng Lê Tuấn A và Nguyễn Sỹ Tr đến ngân hàng BIDV ở thị trấn G, Bắc Ninh để rút tiền. Tại đây, chị Nh đã gọi điện cho công an huyện G để trình báo sự việc và A Tr đã giao chiếc xe trên cho Cơ quan công an. Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Bắc Ninh đã thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an TP. B để tiếp nhận, điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Orlando Cheverlet 2016, BS: 51F-39302 có trị giá là 270.000.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã tạm giữ và trả lại: 01 xe ô tô nhãn hiệu Orlando Cheverlet 2016, BS: 51F-393.02 cho chủ sở hữu hợp pháp là A Trần Hồng D. Hiện đang tạm giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 210, màu đen của Lê Tuấn A.

Về trách Nhệm dân sự: Sau khi nhận lại được tài sản, A Trần Hồng D và chị Trần Thị Yến Nh không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự; A Nguyễn Sỹ Tr yêu cầu được bồi thường số tiền 61.600.000 đồng, là số tiền A Tr đã mua lại xe do Tuấn A phạm tội mà có.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiếu nại gì đối với nội dung bản cáo trạng. Bản Cáo trạng số 69/CT-VKSBL ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo A từ 09 đến 10 năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt với 03 (Ba) năm, 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 43/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sng vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám đã qua sử dụng, mặt lưng ghi Model A1668, ID: BCG-E2946. IC: 579C-E2946A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 210 đã qua sử dụng. màu đen, IMEII: 355760101778264. Về phần dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho A Nguyễn Sỹ Tr số tiền 61.600.000 đồng. Buộc bị cáo A phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Do có mối quan hệ và tạo lòng tin từ trước, để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Lê Tuấn A đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi gian dối để mượn 01 chiếc xe ô tô loại 07 chỗ hiệu Cheverlet, BS: 51F-393.02 của gia đình chị Nh ở số 50 Nguyễn Bỉnh Khiên, Phường 2, TP. B, Lâm Đồng. Sau khi nhận được xe Lê Tuấn A đã mang bán cho A Nguyễn Sỹ Tr ở thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh được số tiền 61.600.000 đồng. Trị giá chiếc xe ô tô mà Lê Tuấn A chiếm đoạt của gia đình chị Nh là 270.000.000 đồng. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành của vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân xấu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục.

[5] Hiện nay bị cáo A đang chấp hành hình phạt tù tại bản án số 43/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định, do vậy cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 43/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[6] Về trách Nhệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Tr yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã nhận là 61.600.000 đồng. Đây là yêu cầu chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, buộc bị cáo A có nghĩa vụ trả cho A Tr số tiền 61.600.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 chiếc điện thoại thu của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã dùng hai chiếc điện thoại nêu trên để liên lạc với chị Nh mục đích hỏi mượn xe ô tô, đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ

thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Lê Tuấn A** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 10 (Mười) năm tù; tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) năm, 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 43/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (Mười ba) năm, 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám đã qua sử dụng, mặt lưng ghi Model A1668, ID: BCG-E2946, IC: 579C-E2946A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 210 đã qua sử dụng. màu đen, IMEII: 355760101778264.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

3/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Tuấn A có nghĩa vụ trả lại cho A Nguyễn Sỹ Tr số tiền 61.600.000 đồng *(Sáu mươi mốt triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo A phải nộp 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.080.000đồng (*Ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)* án phí DSST.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND tỉnh Lâm Đồng;

- Sở tư pháp;
-VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú